

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2020/HNGĐ - ST**
Ngày: 19/03/2020
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Gia Khánh.

2. Ông Vũ Xuân Dự.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huyền C – sinh năm 1988; có mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1988; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh H vắng mặt lần 2 không có lý do,

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Trần Thị Huyền C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H sau khoảng 6 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 07 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại xóm 4, xã K và chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã nhiều lần cãi chửi và xúc phạm nhau.

Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân nhau 1 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 13 tháng 4 năm 2014. Hiện cháu Y đang ở cùng với chị nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Y cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Y.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2019 của bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị C có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã K là quê của chị C. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình anh được một năm sau đó anh chị đi làm ăn tự do ở nhiều nơi, khi chị C có bầu và sinh con để tiện cho việc chăm sóc vợ, con thì hai anh chị quyết định về K làm ăn sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh và chị C có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bản thân anh cũng có đôi lúc uống rượu, mãi chơi không làm chủ được bản thân thì vợ chồng cãi nhau. Tháng 3 năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn anh đã làm đơn xin ly hôn chị C nhưng chị C không đồng ý dẫn đến vợ chồng căng thẳng hơn. Vợ chồng anh chị mâu thuẫn hai bên gia đình đã phân tích hòa giải nhưng chồng không được cải thiện. Vợ chồng anh chị không có nhiều thời gian sống gần nhau nên không có điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị C có đơn xin ly hôn nguyện vọng của anh muốn Tòa án hòa giải và chị C suy nghĩ lại đề vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Trong trường hợp chị C cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị C có một con chung cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 13 tháng 4 năm 2014. Hiện cháu Y đang ở cùng với chị C trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Y cho anh chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Y

Về tài sản chung: Anh và chị C không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện K đã giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của BLTTDS cho anh H, anh H chỉ tham gia hòa giải có một lần sau đó thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không tham gia hòa giải và không hợp tác để cùng giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và

nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Huyền C ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 13 tháng 4 năm 2014 cho chị Trần Thị Huyền C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Nguyễn Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

- Án phí: Chị Trần Thị Huyền C nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Huyền C có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn H, anh H có nơi cư trú tại: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền C và anh Nguyễn Văn H có Đăng ký kết hôn 11 tháng 07 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, như vậy quan hệ hôn nhân của chị C và anh H là hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Cả chị C và anh H đều xác định do anh chị tính tình không hợp và trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3 năm 2019 anh H đã có đơn xin ly hôn chị C nhưng chị C không đồng ý. Việc anh chị mâu thuẫn mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị C có đơn xin ly hôn anh H, anh H không nhất trí ly hôn. Tòa án đã tiến hành các thủ tục hòa giải đề vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bản thân anh H không đồng ý ly hôn nhưng tại các phiên hòa giải tiếp theo anh đã không có mặt điều đó thể hiện việc anh không thiện chí và cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Biên bản xác minh tại UBND xã K cung cấp như sau: Chị C và anh H có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại UBND xã K. Sau khi kết hôn anh chị về Thanh Hóa chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh H khoảng hơn một năm thì anh chị về xóm 3, xã K là bố mẹ đẻ của chị C để làm ăn và sinh con. Theo dư luận q uần chúng thì quá trình chung sống tại địa phương anh H chị C có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và hai người bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Nay anh chị làm các thủ tục ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên xác định anh H và Chị C mâu thuẫn vợ chồng và đã có thời gian sống ly thân nhau 1 năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị C và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị C và anh H có một con chung cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 13 tháng 4 năm 2014. Hiện cháu Y hiện đang ở cùng với mẹ, chị C có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Y, bản thân anh H cũng có nguyện vọng nuôi con nếu vợ chồng ly hôn. Cả anh H và chị C đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Y khi vợ chồng ly hôn, tuy nhiên thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Y ở với chị C và chị C đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Y, mặt khác cháu Y là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Hải Y căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần phải giao cháu Nguyễn Hải Y cho chị Trần Thị Huyền C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp thực tế cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng đối với con do chị C không yêu cầu cấp dưỡng và chị xác định bản thân đủ khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Hiền cấp dưỡng nên anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối cháu Y

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Huyền C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền C và anh Nguyễn Văn H được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 13 tháng 4 năm 2014 cho chị Trần Thị Huyền C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Y trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Y và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị Huyền C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003188 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã K, huyện K
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh